

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HC-PT

Ngày: 23 - 9 - 2020

V/v: Kiện quyết định hành chính.
hành vi hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Quảng Lực và bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu - Thư ký TAND tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 03/2020/TLPT-HC ngày 31 tháng 8 năm 2020 về việc “kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đoàn Hùng C, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình - Ông Hoàng Văn Đ;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng quản lý đô thị thị xã Đ;

Địa chỉ: Phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Việt C – Đội trưởng Đội quy tắc đô thị. Có mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Trần Đình C- Cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân xã S, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Ông Ngô Ngọc C - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Ông Hoàng Trung H - Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và thương mại P; Địa chỉ: Thôn C, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Ông Trương Văn P - Bảo vệ kiêm quản lý chợ N; Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Ông Trương Quốc Đ; Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người khởi kiện ông Đoàn Hùng C trình bày:

Năm 1995, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã H tổ chức bán đấu giá các ký ốt tại chợ T xã H, ông mua ký ốt 8 và 9 và được UBND xã H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ký ốt vào ngày 26/02/1996 với diện tích 13,6m² thời hạn sử dụng lâu dài. Năm 2012, UBND xã H chuyển chợ sang vị trí mới đổi tên thành chợ N và bắt ông C nhận các ký ốt mới với thời hạn 20 năm và ra quyết định một thể đổi được một dầm trong chợ mới. Do ông không đồng ý nên xã bắt ông chấp nhận thời hạn 20 năm thì nhận được 02 quầy. Ông không chấp nhận nên khiếu kiện đến các ban ngành liên quan từ năm 2012 cho đến nay. Năm 2017 UBND xã H cùng với phòng quản lý đô thị tổ chức cuộc họp vào ngày 14/6/2017 tại trụ sở UBND xã và buộc ông chấp nhận thời hạn 20 năm nếu không sẽ cưỡng chế tháo dỡ ký ốt 8 và 9. Ông trình bày do đang làm thủ tục khiếu nại nên hàng hóa ông vẫn để trong ký ốt nếu cưỡng chế thì phải có sự chứng kiến của ông. Sau cuộc họp thì UBND xã H kết hợp với phòng quản lý đô thị tự ý tháo dỡ hai ký ốt của ông mà bản thân ông không biết nhưng ông không nhận được giấy tờ hay quyết định cưỡng chế nào. Các tài sản trong ký ốt của ông hiện tại không biết nằm ở đâu. Sau khi biết được sự việc hai ký ốt của ông bị tháo dỡ ông đã khiếu nại đến UBND xã H, Chủ tịch UBND xã H đã ra quyết định giải quyết khiếu nại số 26/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 và cho rằng UBND xã không liên quan gì đến việc cưỡng chế.

Vì vậy ông làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết: Huỷ Quyết định số 26/QĐ- UBND ngày 25/4/2019 của Chủ tịch UBND H; buộc chủ tịch UBND xã H và Phòng quản lý đô thị thị xã Đ bồi hoàn tài sản trong ký ốt 8+9 do tháo dỡ không có căn cứ pháp luật và các chi phí trong thời gian ông không kinh doanh; chuyển đổi quầy đảm bảo quyền lợi với 2 quầy tại chợ N vị trí tương đương số tiền đấu giá tại chợ T và thời gian sử dụng lâu dài như trong thể được cấp.

- Người bị kiện trình bày:

Chợ T cũ tại xã H được đầu tư xây dựng năm 1995, hình thức xây dựng các ký ốt bằng bờ lô xi măng, trong đó có các ký ốt để các hộ tiểu thương buôn bán với hình thức đấu giá từng ký ốt, hàng tháng UBND duy trì công tác thu lệ phí, thuế đất ký ốt 1 tháng là 12.000 đồng và duy trì hoạt động đều đặn. Chợ N nằm trong quy hoạch tổng thể quy hoạch thị tứ N. Qua lấy ý kiến người dân đồng tình cao và đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt năm 2005. Được sự quan tâm chỉ đạo của cấp tỉnh, huyện và dự án miền trung đầu tư xây dựng hoàn thành vào tháng 6/2013 được BCH Đảng bộ xã chỉ đạo UBND xây dựng kế hoạch để chuyển chợ từ chợ T (cũ) về chợ N để hoạt động kinh doanh nhằm giải phóng ùn tắc giao thông vì chợ T cũ hoạt động trên đường liên xã đi qua ở giữa chợ. UBND xã H xin ý kiến của UBND huyện và thành lập Hội đồng thanh

lý tài sản theo Quyết định về việc thanh lý tài sản cố định số 1689/QĐ- UBND của UBND huyện T và khi Hội đồng thanh lý tài sản các ký ốt hết giá trị sử dụng bằng không. Lãnh đạo đã có nhiều lần mời các hộ có ký ốt cũ tại chợ T làm việc và được sự đồng ý của các chủ ký ốt chợ T cũ. Chỉ có ông C và bà L mẹ vợ ông C là chưa đồng ý. Vì yêu cầu thời hạn sử dụng lâu dài như trong Giấy chứng nhận cũ thay vì thời hạn 20 năm. Tuy nhiên việc thực hiện thời hạn sử dụng 20 năm theo Quyết định số 4865/QĐ-UBND ngày 04/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện T và bản phục lục kèm theo. Vì vậy việc ông C yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H bồi hoàn lại các tài sản trong ký ốt 8 và 9 do tháo dỡ trái phép và các chi phí trong thời gian thất nghiệp do không có quầy để kinh doanh UBND xã H không tháo dỡ 02 ký ốt trên của ông C, vì vậy ông C yêu cầu Ủy ban bồi thường là không có căn cứ. Đối với việc bồi thường chi phí trong thời gian thất nghiệp là do ông C vu khống vì khi chợ N đi vào hoạt động, Ủy ban đã dành cho ông C 01 ký ốt to nhất tại mặt tiền của chợ N và ông đã kinh doanh từ khi chợ N đi vào hoạt động đến nay. Ngoài ra Ủy ban xã cũng cấp cho ông C 02 ký ốt khác trong chợ N nhưng ông Cường không nhận vì yêu cầu thời hạn lâu dài chứ không đồng ý thời hạn 20 năm do đó Ủy ban chưa là thủ tục để bàn giao cấp thẻ quầy cho ông C được. Việc ông C khởi kiện yêu cầu cấp thẻ quầy thời hạn lâu dài như giấy chứng nhận ký ốt cũ, thì việc Ủy ban cấp thẻ quầy thời hạn 20 năm là thực hiện theo Quyết định số 4865/QĐ ngày 04/12/2012 của UBND huyện T quy định thời hạn sử dụng ký ốt là 20 năm. Ông C yêu cầu Ủy ban hủy Quyết định số 26/QĐ- UBND ngày 25/4/2019 của Chủ tịch UBND xã H, UBND xã H đã tổ chức xác minh và ban hành Quyết định đúng quy định pháp luật nên việc ông C yêu cầu hủy là không có cơ sở. Vì vậy, UBND xã H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phòng quản lý đô thị thị xã Đ trình bày:

Việc ông C yêu cầu cung cấp các hồ sơ tài liệu liên quan đến việc cưỡng chế 02 ký ốt số 8+9 tại chợ T thì phòng Quản lý đô thị không chỉ đạo, không thực hiện việc cưỡng chế nên không có giấy tờ, tài liệu để cung cấp. Phòng quản lý đô thị chỉ thực hiện việc chỉ đạo của UBND thị xã Đ để giải tỏa các ký ốt đã xuống cấp, hết khấu hao ảnh hưởng đến tính mạng con người, cảnh quan đô thị, ô nhiễm môi trường tại chợ T. Ông C yêu cầu Phòng Quản lý đô thị bồi thường tài sản trong ký ốt 8,9 và các chi phí trong thời gian không kinh doanh là không có cơ sở. Phòng Quản lý đô thị yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Những người làm chứng trình bày:

+ Anh Hoàng Trung H: Năm 2017 Công ty TNHH XD và TM P do anh làm giám đốc có ký Hợp đồng tháo dỡ chợ T cũ với UBND xã H, với nội dung là tháo dỡ toàn bộ phần nổi của toàn bộ ký ốt và giải phóng mặt bằng chợ T cũ

nhưng cắt tách (giữ lại) 02 ki ốt số 08 và 09 ở cổng chợ (02 ki ốt của ông C) do chưa thoả thuận được việc đổi ki ốt số 08 và 09 từ chợ T cũ lên chợ N, thời gian thực hiện Hợp đồng từ ngày 04/01/2017 đến ngày 24/01/2017. Trong quá trình tháo dỡ anh thực hiện như Hợp đồng, giữ lại 02 ki ốt số 08, 09. Nhưng chợ T cũ xây dựng lâu năm, đã xuống cấp trầm trọng, kết hợp với việc tháo dỡ các ki ốt xung quanh nên 02 ki ốt 08, 09 cũng bị ảnh hưởng và sau đó người dân xung quanh đến cắt sắt và thu lượm sắt, gạch, ngói....xung quanh nên 02 ki ốt 08, 09 đã bị sập. Anh không biết cũng như không chứng kiến việc cưỡng chế tháo dỡ, cắt khoá 02 ki ốt 08, 09 của ông C.

+ Ông Ngô Ngọc C: Năm 2017 theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thị xã Đ giải toả chợ T cũ trả lại mặt bằng nhằm đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường. UBND xã H đã tiến hành họp bàn và ký Hợp đồng giao thầu về việc phá dỡ công trình chợ T cũ với Công ty TNHHXD và TM P do anh Hoàng Minh H làm giám đốc. Trong Hợp đồng ghi rõ, bên A thuê bên B phá toàn bộ phần nổi của toàn bộ ki ốt và giải phóng mặt bằng chợ T cũ, có kế hoạch cắt tách 02 ki ốt số 08 và 09 ở cổng chợ (02 ki ốt của ông C) do chưa thoả thuận được việc đổi ki ốt số 08 và 09 từ chợ T cũ lên chợ N, thời gian thực hiện Hợp đồng từ ngày 04/01/2017 đến ngày 24/01/2017. Đến cuối năm 2017, phòng Quản lý đô thị thị xã Đ và chủ tịch UBND xã H cử ông và ông Trần Đình C trực tiếp đến chợ T cũ để xem xét xem có tài sản gì trong 02 ki ốt số 08 và 09 của ông C không. Ông và ông C đã trực tiếp đến chợ T cũ, do chợ xây dựng lâu năm nên đã xuống cấp, kết hợp với việc tháo dỡ các ki ốt xung quanh nên 02 ki ốt 08, 09 của ông C đã hư hỏng nên ông và ông C đứng ngoài nhìn vô thấy không có tài sản gì trong ki ốt, ông và ông C không trực tiếp cắt khoá hay tháo dỡ gì đối với hai ki ốt 08, 09 của ông C.

+ Ông Trần Đình C: Có lời khai như ông Nguyễn Ngọc C, không bổ sung gì thêm.

+ Ông Trương Văn P: Chợ N đi vào hoạt động từ năm 2013 và từ đó đến nay ông C sử dụng và kinh doanh tại quầy số 13 phía nam chợ (quầy 3 mặt tiền).

+ Anh Trương Quốc Đ: Anh bắt đầu kinh doanh tại chợ N từ năm 2014 và từ khi anh kinh doanh thì đã thấy ông C kinh doanh ở chợ từ đó đến nay.

Bản án sơ thẩm số: 01/2020/HC-ST ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, khoản 1 Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Hùng C. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 06/8/2020 ông Đoàn Hùng C có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xem xét lại vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện ông Đoàn Hùng C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được nội dung giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Kháng cáo của ông Đoàn Hùng C trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm một số người làm chứng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trước đó đã có lời khai trực tiếp với Tòa án; việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Tòa án *xét xử vụ án theo quy định*.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1]. Năm 1995 UBND xã H tổ chức bán đấu giá các ki ốt tại chợ T xã H. Gia đình ông C đấu trúng 02 ki ốt số 8 và số 9. Ngày 26/02/1996 ông C được UBND H cấp giấy chứng nhận sử dụng 02 ki ốt nói trên, thời hạn sử dụng lâu dài, đất do UBND xã quản lý.

Do chợ T được bố trí sát đường đi liên xã, diện tích chật hẹp, ảnh hưởng đến an toàn toàn giao thông nên UBND xã H đã xin chủ trương chuyển chợ T đến địa điểm khác. Năm 2012 chợ T được chuyển đến vị trí khác và có tên gọi là chợ N. Các hộ kinh doanh tại các ki ốt ở chợ T đều được UBND xã giao lại ki ốt tại chợ N để kinh doanh, thời hạn sử dụng ki ốt tại chợ N là 20 năm/lần.

Ngày 08/6/2012 UBND huyện T (Nay là thị xã Đ) ban hành Quyết định số 1689/QĐ-UBND về việc cho phép UBND xã H thanh lý 35 ki ốt tại chợ T cũ.

Ngày 04/12/2012 UBND huyện T ban hành Quyết định số 4865/QĐ-UBND Về việc quy định giá tối thiểu các quày, ki ốt chợ N xã H (Trong đó có phụ lục kèm theo xác định diện tích quày, thời hạn sử dụng, giá tối thiểu).

Ngày 25/12/2012 UBND xã H làm việc với các chủ hộ tại 35 ki ốt nhưng được 30/32 hộ nhất trí còn hộ ông C và bà L mẹ vợ ông C không nhất trí. Ngày 08/12/2016 UBND xã H tiếp tục làm việc với ông C nhưng ông C cũng không nhất trí.

Ngày 15/12/2016 UBND thị xã Đ ban hành Công văn số 1071/UBND về việc xử lý rác thải, vệ sinh môi trường, giải tỏa chợ cũ đồng thời giao Phòng quản lý đô thị chỉ đạo, đôn đốc UBND xã H tháo dỡ, giải tỏa các lều, quán cũ. Ngày 03/01/2017 UBND xã H ký hợp đồng giao thầu về việc tháo dỡ công trình chợ trường cũ với Công ty TNHH XD và TM P. Theo hợp đồng đã ký thì việc

tháo dỡ giữ lại 02 ki ốt số 8 và 9. Ngày 06/01/2017, UBND xã H tiếp tục làm việc với ông C về việc tháo dỡ ki ốt ở chợ T nhưng ông C không nhất trí.

Ngày 13/01/2017 UBND thị xã Đ tiếp tục ban hành Công văn số 26/UBND về việc tiếp tục giải tỏa chợ T cũ. Ngày 14/06/2017 UBND xã H phối hợp với Phòng quản lý đô thị tổ chức làm việc với ông C nhưng ông C không đồng ý. Thực hiện theo Công văn số 26/UBND ngày 13/01/2017 của UBND thị xã Đ cuối năm 2017 Phòng quản lý đô thị chỉ đạo tháo dỡ 02 ki ốt số 8 và số 9 của ông C tại chợ T cũ, có sự chứng kiến của UBND xã H. Ông C có đơn khiếu nại, ngày 09/01/2018 UBND xã H ra Thông báo số 04/TB-UBND về việc trả lời đơn khiếu nại của ông C. Không nhất trí ông C khiếu nại đến UBND xã H. Ngày 05/4/2019 Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định số 26/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông C.

[2.2]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số: 26/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Hùng C, thường trú thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình (Lần đầu) (Sau đây viết tắt là Quyết định số: 26/QĐ-UBND):

- Về thẩm quyền: Ông Đoàn Hùng C khiếu nại đến UBND xã H cho rằng UBND xã đã tiến hành cưỡng chế tháo dỡ ki ốt của ông nhưng không giao quyết định cưỡng chế và các hồ sơ giấy tờ liên quan đến việc cưỡng chế cho ông; việc tháo dỡ ki ốt đã làm mất tài sản của ông nên ông yêu cầu UBND xã phải chịu trách nhiệm. Do đó Chủ tịch UBND xã H thụ lý giải quyết và ban hành Quyết định số:26/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 17 Luật khiếu nại.

- Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Đoàn Hùng C, Chủ tịch UBND xã H đã thụ lý đơn khiếu nại và tiến hành thành lập đoàn xác minh giải quyết đơn khiếu nại đúng thời gian, đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 27, 28, 29, 31 và Điều 32 Luật khiếu nại.

- Về nội dung Quyết định số:26/QĐ-UBND:

Căn cứ vào kết quả xác minh nội dung khiếu nại, Chủ tịch UBND xã H đã kết luận: UBND xã H đã hợp đồng với Công ty TNHH XD và TM P để phá dỡ công trình chợ T cũ, tuy nhiên riêng ki ốt số 8 và số 9 không tháo dỡ, do chưa thỏa thuận được việc đổi ki ốt; do UBND xã không có chủ trương tháo dỡ 2 ki ốt 8,9 nên không có quyết định cưỡng chế và các giấy tờ liên quan để cung cấp cho ông C, từ đó đã Quyết định: *Điều 1: UBND xã chỉ tham gia chứng kiến việc cắt khóa và xác định tài sản, nhưng trong ki ốt tài sản không có gì.*

Điều 2: UBND xã không tổ chức cưỡng chế và tháo dỡ 02 ki ốt ở chợ T (cũ) xã H nên không cung cấp tài liệu theo các yêu cầu của ông Đoàn Hùng C.

...

Xét thấy: Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và ý kiến của UBND xã H thì UBND xã H không ban hành quyết định cưỡng chế và không tổ chức việc

tháo dỡ ki ốt số 8 và số 9 của ông C. Việc tháo dỡ 02 ki ốt của ông C tại chợ T cũ là do UBND thị xã Đ chỉ đạo và do Phòng quản lý đô thị trực tiếp thực hiện. UBND xã chỉ cử người tham gia chứng kiến việc kiểm tra hàng hóa trong 02 ki ốt, xác nhận tại thời điểm mở khóa thì tài sản trong 02 ki ốt không có gì. Do đó nội dung trong Quyết định số: 26/QĐ-UBND là đúng.

[2.3]. *Việc xác định đối tượng khởi kiện (Quyết định hành chính bị kiện) trong vụ án:*

Bản án sơ thẩm nhận định *Quyết định số: 26/QĐ-UBND không làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của ông C nên không phải là quyết định hành chính bị kiện, vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông C về việc hủy Quyết định số: 26/QĐ-UBND.*

Xét thấy nhận định như trên của bản án sơ thẩm là sai, bởi lẽ: Ông Đoàn Hùng C khiếu nại đến UBND xã H cho rằng UBND xã đã tiến hành cưỡng chế tháo dỡ ki ốt của ông nhưng không giao quyết định cưỡng chế và các hồ sơ giấy tờ liên quan đến việc cưỡng chế cho ông; việc tháo dỡ ki ốt đã làm mất tài sản của ông nên ông yêu cầu UBND xã phải chịu trách nhiệm. Chủ tịch UBND xã H đã ban hành Quyết định số: 26/QĐ-UBND giải quyết các khiếu nại của ông Đoàn Hùng C. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã H, nên ông C đã khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu Tòa án xem xét lại quyết định giải quyết khiếu nại đó. Do đó Quyết định số: 26/QĐ-UBND là quyết định hành chính bị kiện và Tòa án phải xem xét, đánh giá về tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức cũng như nội dung của Quyết định số: 26/QĐ-UBND.

[2.4]. *Việc ông Đoàn Hùng C yêu cầu bồi thường tài sản trong ki ốt số 8, số 9 và các chi phí trong thời gian ông C thất nghiệp do không có quầy để kinh doanh.*

Xét thấy tại đơn khởi kiện thì ông C chỉ yêu cầu Tòa án buộc UBND xã H phải bồi hoàn các tài sản trong ki ốt số 8, 9. Tại biên bản tiếp cận công khai chứng cứ thì ông C chỉ bổ sung nội dung đơn khởi kiện là yêu cầu hủy Quyết định số: 26/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Hùng C, ngoài ra không bổ sung gì thêm. Tại biên bản đối thoại lần 2 ngày 08/5/2020 ông C mới đưa ra yêu cầu buộc Phòng quản lý đô thị cùng với UBND xã H phải bồi thường tài sản cho ông.

Tại Điều 138 Luật tố tụng hành chính quy định về trình tự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại thì: “2. *Khi tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thẩm phán công bố tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và hỏi đương sự về những vấn đề sau đây: a) Yêu cầu và phạm vi khởi kiện, sửa đổi, bổ sung, thay thế, rút yêu cầu khởi kiện; ...*”.

Theo quy định trên thì việc tại phiên đối thoại lần 2 ông C đưa ra yêu cầu buộc Phòng quản lý đô thị bồi thường tài sản là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Tuy nhiên Tòa án sơ thẩm vẫn chấp nhận yêu cầu này của ông C để xem

xét trách nhiệm bồi thường của Phòng quản lý đô thị thị xã Ba Đồn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2.5]. Ông C yêu cầu UBND xã H chuyển đổi quầy ở chợ N phải có thời hạn sử dụng lâu dài như thời gian sử dụng quầy ở chợ T:

Theo ý kiến của Chủ tịch UBND xã H thì UBND xã không có quyền quy định thời hạn sử dụng quầy ở chợ N, UBND xã căn cứ vào Quyết định số 4865/QĐ-UBND ngày 04/12/2012 của UBND huyện T (nay là thị xã Đ) để giao quầy cho các hộ kinh doanh tại chợ N (trong đó có hộ ông C) với thời hạn sử dụng là 20 năm. Xét thấy Quyết định số 4865/QĐ-UBND không phải là quyết định cá biệt đối với một trường hợp cụ thể mà đây là quy định chung (Văn bản quy phạm). Tại khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính quy định về thẩm quyền của Hội đồng xét xử như sau: “*Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính,... bị khởi kiện, quyết định giải quyết khiếu nại và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan*”. Như vậy, khi xem xét việc UBND xã H thực hiện hành vi hành chính (giao quầy cho các hộ kinh doanh thời hạn sử dụng 20 năm) có đúng hay không thì Tòa án phải xem xét, đánh giá Quyết định số 4865/QĐ-UBND của UBND huyện T (Nay là thị xã Đ) là đúng hay sai. Trường hợp nếu Quyết định số 4865/QĐ-UBND là đúng, thì mới có căn cứ để xác định việc UBND xã H giao quầy cho ông C với thời hạn sử dụng 20 năm là đúng. Trong trường hợp Quyết định số 4865/QĐ-UBND là sai thì Tòa án phải kiến nghị UBND thị xã Đ thay thế, bổ sung hoặc điều chỉnh lại Quyết định số 4865/QĐ-UBND để UBND xã H xác định lại thời gian sử dụng quầy theo quy định của UBND thị xã Đ.

Bản án sơ thẩm cho rằng UBND xã H không có thẩm quyền để giao quầy với thời hạn sử dụng lâu dài, nên không chấp nhận yêu cầu của ông C là chưa xem xét một cách toàn diện vụ án.

[2.6] Từ các nội dung đã được phân tích trên, thấy rằng Bản án sơ thẩm đã có nhiều sai lầm nghiêm trọng trong quá trình giải quyết vụ án như việc cho rằng Quyết định số: 26/QĐ-UBND không phải là quyết định hành chính bị kiện; việc xem xét trách nhiệm bồi thường của Phòng quản lý đô thị thị xã Đ vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu; việc xem xét hành vi hành chính của UBND xã H trong việc giao thời hạn sử dụng quầy tại chợ N nhưng không xem xét, đánh giá Quyết định số 4865/QĐ-UBND của UBND huyện T (Nay là thị xã Đ). Các sai sót trên không thể bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm, do đó cần hủy án sơ thẩm để giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Đ giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Hùng C được chấp nhận nên ông C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Hùng C, hủy bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2020/HC-ST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn; chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Đoàn Hùng C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Trả lại cho ông C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông đã nộp tại biên lai số: AA/2017/0006944 ngày 07/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 23/9/2020).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND thị xã Ba Đồn;
- Chi Cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã Ký)

Trần Hữu Sỹ